

Số: 7890/NHNN-TD

V/v báo cáo 03 năm thực hiện Luật
Hợp tác xã năm 2012

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2016

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 7348/BKHĐT-HTX ngày 12/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo 03 năm thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã của ngành ngân hàng gửi Quý Cơ quan (đính kèm)./. 7

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTDCNKT (3b).

Đính kèm:

- Báo cáo của ngành ngân hàng

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Nguyễn Đông Tiến



Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO**03 NĂM TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
LUẬT HỢP TÁC XÃ 2012 CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG**

Căn cứ Luật hợp tác xã số 23/2012/QH13 của Quốc hội ngày 20/11/2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã 2012, NHNN được giao nhiệm vụ:

- Khoản 3 Điều 5 quy định: “*Đối với lĩnh vực tín dụng, giao NHNN chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cam kết cung ứng, tiêu thụ cho thành viên, hợp tác xã thành viên cho khách hàng không phải thành viên trình Chính phủ quyết định*”.

- Khoản 4 Điều 29 quy định về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: “*Thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình*”.

Tại Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã (HTX) giai đoạn 2015 – 2020, NHNN không được giao nhiệm vụ. Tuy nhiên, căn cứ chức năng nhiệm vụ của NHNN, căn cứ nhiệm vụ được phân công cụ thể tại Nghị định 193/2013/NĐ-CP, về cơ bản NHNN đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cụ thể:

I. Về việc ban hành cơ chế chính sách về tín dụng ngân hàng nhằm tạo điều kiện mở rộng đầu tư tín dụng phục vụ phát triển kinh tế tập thể (KTTT)**1. Triển khai các giải pháp tiền tệ, tín dụng hỗ trợ phát triển KTTT**

- Hỗ trợ TCTD khơi thông, hướng dòng vốn tín dụng vào 5 lĩnh vực ưu tiên: nông nghiệp, nông thôn; xuất khẩu; công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần để hỗ trợ cho doanh nghiệp, HTX: Đến nay, mặt bằng lãi suất cho vay đã giảm và chỉ bằng khoảng 40% nửa cuối năm 2011, thấp hơn mức lãi suất của giai đoạn 2005 – 2006, đây là yếu tố tích cực để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của các loại hình khách hàng, đặc biệt là lĩnh vực KTTT.

- Chỉ đạo các TCTD triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, HTX và người dân tiếp cận nguồn vốn ngân hàng: (i) Xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi suất của các khoản vay cũ; không thu lãi quá hạn; miễn, giảm lãi vốn vay trên cơ sở khả năng tài chính của TCTD; (ii) Căn cứ vào tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để xem xét cho vay mới nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, ổn định

sản xuất, thực hiện trả được nợ cũ và nợ mới cho TCTD; **(iii)** Nâng cao hiệu quả thẩm định và đánh giá mức độ tín nhiệm khách hàng để tăng cường cho vay không có bảo đảm bằng tài sản; **(iv)** Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục vay vốn, niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục, quy trình vay vốn tại chi nhánh, phòng giao dịch của TCTD.

- Tổ chức đối thoại và triển khai kết nối giữa Ngân hàng–Doanh nghiệp

Để nắm bắt tình hình và xử lý khó khăn, vướng mắc trong hoạt động tín dụng ngân hàng, NHNN đã tổ chức nhiều đoàn công tác do Thống đốc và Lãnh đạo NHNN làm trưởng đoàn, trực tiếp đến làm việc với Lãnh đạo Tỉnh, thành phố, đoàn Đại biểu Quốc hội và các cơ quan liên quan của địa phương, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, đặc biệt là khả năng tiêu thụ sản phẩm, tình hình sản phẩm tồn kho của các lĩnh vực (nhất là lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, khu vực KTTT), xử lý, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận vốn ngân hàng. Tại các địa phương, NHNN đã triển khai chương trình kết nối ngân hàng-doanh nghiệp để nắm bắt các khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, HTX trên địa bàn trong quan hệ tín dụng ngân hàng và đưa giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, HTX vay vốn ngân hàng một cách hiệu quả.

2. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách tín dụng hỗ trợ KTTT

- NHNN đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về chính sách tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thay thế Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 theo hướng mở rộng đối tượng cho vay, nâng mức cho vay không có tài sản bảo đảm, cho vay sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, liên kết. Theo đó, các HTX được tổ chức tín dụng (TCTD) cho vay không có tài sản bảo đảm theo các mức như sau:

+ Tối đa 01 tỷ đồng đối với HTX, chủ trang trại hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; Tối đa 02 tỷ đồng đối với HTX nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ.

+ Các HTX ký hợp đồng cung cấp, tiêu thụ đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được TCTD xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án vay theo mô hình liên kết; HTX đầu mỗi ký hợp đồng thực hiện dự án liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp với tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được TCTD xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 80% giá trị của dự án, phương án sản xuất kinh doanh theo mô hình liên kết.

- Ngoài ra, NHNN tiếp tục chủ động, tích cực triển khai nhiều chính sách tín dụng đặc thù đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, trong đó có KTTT như: Chính sách cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách cho vay đối với chăn nuôi và thủy sản theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1149/TTg-KTN ngày 08/8/2012; Chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết 14/NQ-CP ngày 5/3/2014 của Chính phủ;

Chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra theo quy định tại Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách phát triển thủy sản Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 7/7/2014 và Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP; Chính sách cho vay tái canh cây cà phê trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên; Chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.

3. Ban hành văn bản về tiếp tục triển khai Kết luận 56-KL/TW, Luật Hợp tác xã 2012

Để tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ của ngành Ngân hàng tại Kết luận 56-KL/TW, Chỉ thị 19/CT-TTg trong giai đoạn 2016-2020, NHNN đã có văn bản số 692/NHNN-TD ngày 4/2/2016 chỉ đạo NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ KTTT trong việc tiếp cận vốn: *(i)* Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức chính trị-xã hội để tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách tín dụng, ngân hàng đối với KTTT trên địa bàn; *(ii)* Kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp cận vốn của khu vực KTTT trên địa bàn để thực hiện, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương các giải pháp cụ thể, thiết thực tháo gỡ khó khăn; *(iii)* Định kỳ báo cáo NHNN về tình hình cho vay đối với khu vực KTTT, đề xuất giải pháp, kiến nghị để tiếp tục củng cố, đổi mới và phát triển KTTT.

4. Kết quả cho vay đối với loại hình KTTT

Theo báo cáo của NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố, tình hình quan hệ tín dụng ngân hàng đối với KTTT tại thời điểm 30/6/2016 như sau:

- Dư nợ đối với KTTT đến 30/6/2016 đạt 5.221 tỷ đồng, giảm 887 tỷ đồng so với 31/12/2012. Trong đó cho vay ngắn hạn chiếm 51,58%, cho vay trung dài hạn chiếm 48,42%. Tổng số có 2.006 khách hàng thuộc khu vực KTTT đang có dư nợ tại các TCTD. Tỷ lệ nợ xấu của các HTX tại các TCTD là 2,03%, giảm hơn so với thời điểm 31/12/2012 (nợ xấu là 3,06%).

- Số HTX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng là 375 HTX, chiếm tỷ trọng cao nhất (25,02%) trong tổng số HTX đang có dư nợ tại các TCTD. Dư nợ tín dụng bình quân của HTX thương mại, dịch vụ 2,25 tỷ/HTX, HTX giao thông vận tải là 1,8 tỷ/HTX, HTX xây dựng là 3,77 tỷ/HTX và HTX nông, lâm, ngư nghiệp là 2,77 tỷ/HTX.

- Hiện có 14 LHHTX đang có quan hệ tín dụng với các TCTD với tổng dư nợ là 871 tỷ đồng (bình quân dư nợ tín dụng khoảng 62,21 tỷ đồng/LHHTX), trong đó bao gồm: 8 LHHTX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, 03 LHHTX thương mại, dịch vụ và 02 LHHTX xây dựng, 01 LHHTX giao thông vận tải.

- Có 493 tổ hợp tác được các TCTD cho vay vốn với tổng dư nợ là 82,676 tỷ đồng (dư nợ trung bình là 168 triệu đồng/tổ hợp tác).

II. Về xây dựng cơ chế, chính sách đối với các TCTD hợp tác

1. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật

đối với các TCTD hợp tác

Trong thời gian vừa qua, việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách về tổ chức, hoạt động của QTDND và NHHTX đã đạt được những kết quả đáng kể như sau:

- Sau khi Chỉ thị 57/CT-TW ngày 10/10/2000 của Bộ Chính trị được ban hành, NHNN đã cùng với các Bộ, ngành có liên quan từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh cơ cấu và hoạt động của hệ thống QTDND.

- Để triển khai Luật các TCTD, Luật Hợp tác xã cũng như triển khai nội dung cơ cấu lại hệ thống QTDND nêu tại Đề án “cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015” ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 1/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã ban hành các văn bản sau:

+ Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 quy định về NHHTX (trên cơ sở chuyển đổi từ NHHTX);

+ Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 quy định về quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND;

+ Thông tư số 04/2015/TT-NHNN quy định về QTDND, Chỉ thị số 05/CT-NHNN ngày 05/8/2015 của NHNN về các giải pháp nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn hoạt động TCTD là HTX, phê duyệt phương án cơ cấu lại NHHTX, thực hiện tái cơ cấu hệ thống QTDND;

+ Thông tư 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân (QTDND);

+ Thông tư 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 của Thống đốc NHNN quy định về ngân hàng hợp tác xã (NHHTX);

Như vậy, đến thời điểm 30/6/2016, NHNN đã ban hành 05 Thông tư, 01 Chỉ thị chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của NHHTX, QTDND, bổ sung, hoàn thiện cơ chế tín dụng theo hướng tạo điều kiện cho KTTT mở rộng sản xuất kinh doanh và tiếp cận các nguồn vốn tín dụng tại TCTD.

Hiện nay, NHNN đang tiếp tục sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về xếp hạng QTDND, Thông tư quy định về tổ chức lại QTDND, Thông tư quy định mạng lưới hoạt động đối với TCTD là hợp tác xã đảm bảo phù hợp với Luật các TCTD và Luật Hợp tác xã.

2. Công tác triển khai, giám sát các TCTD hợp tác thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn

2.1. Về công tác thanh tra, kiểm tra

a. Ngân hàng Hợp tác xã.

Năm 2015, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiến hành thanh tra đối với NHHTX. Tuy nhiên, đến nay chưa có kết luận cụ thể.

b. Quỹ tín dụng nhân dân.

Hệ thống QTDND đến nay có 1.156 quỹ hoạt động tại 56 tỉnh, thành phố; trong năm 2015, CQTTGSNH nhận được 384 kết luận thanh tra QTDND của 55 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố gửi về (năm 2015 NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Ninh không tiến hành thanh tra đối với QTDND). Qua khai thác kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thanh tra QTDND năm 2015 của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố cho thấy:

- Hoạt động của các QTDND được thanh tra đã đạt được những kết quả nhất định trên các mặt sau: (i) Về công tác quản trị, điều hành, kiểm soát: Về cơ bản, trình độ, năng lực, phẩm chất cán bộ từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của NHNN; bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành các quỹ thường xuyên được củng cố kiện toàn; (ii) Về hoạt động: các quỹ đảm bảo mức vốn pháp định, vốn điều lệ theo quy định; (iii) Về huy động vốn: các quỹ đã chủ động tích cực có các giải pháp để khai thác nguồn vốn dân cư trên địa bàn phục vụ cho vay thành viên và gửi điều hòa vốn tại NHHTX; hạn chế vay vốn các TCTD khác...

- Bên cạnh kết quả đạt nêu trên, hoạt động của QTDND cho thấy vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại, yếu kém về tổ chức và hoạt động, cụ thể: một số thành viên HĐQT, BKS, BDH chưa đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định; HĐQT, BKS, BDH không thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định dẫn đến chất lượng, hiệu quả hoạt động chưa cao,...; một số QTDND kết nạp thành viên không đúng quy định, chi trả vốn góp, chi trả lãi vốn cổ phần không đúng quy định; một số QTDND phân loại không đúng nhóm nợ, trích lập thiếu dự phòng rủi ro; một số QTDND chưa đạt các chỉ tiêu đã được đề ra trong phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt...

2.2. Về công tác giám sát:

- NHNN đã tổ chức các buổi tập huấn một số văn bản thực hiện Luật các TCTD, Luật Hợp tác xã nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung quy định pháp luật về Hợp tác xã cho các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và hệ thống QTDND.

- Kể từ khi Luật Hợp tác xã 2012 được ban hành đến nay, NHNN đã có các văn bản chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của NHHTX và các QTDND trên địa bàn, nhất là các QTDND còn những mặt tồn tại, yếu kém trong hoạt động; không để xảy ra đổ vỡ QTDND, gây mất ổn định kinh tế, chính trị ở địa phương, cụ thể:

+ Năm 2013, Thống đốc NHNN đã có công văn số 187/NHNN-TTGSNH.m ngày 05/4/2013 về triển khai cơ cấu lại QTDND. Đồng thời, ngày 05/7/2013, NHNN đã tiến hành tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 10/10/2000 của Bộ Chính trị về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống QTDND. Trên cơ sở đó, NHNN đã đề ra những định hướng, giải pháp hoàn thiện và phát triển TCTD là hợp tác xã trong giai đoạn tiếp theo.

+ Năm 2014, Thống đốc NHNN đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-NHNN ngày 05/8/2014, về các giải pháp nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn hoạt động TCTD là HTX. Tháng 10/2014, NHNN đã tổ chức đợt làm việc về kết quả và tình

hình triển khai công tác cơ cấu lại hệ thống TCTD trên từng địa bàn, trong đó nội dung quan trọng là công tác cơ cấu lại QTDND.

+ NHNN đã chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện thanh tra diện rộng đối với QTDND trên phạm vi toàn quốc, tập trung vào các QTDND chưa được thanh tra trong các năm gần đây, các quỹ tiềm ẩn rủi ro cao, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, đồng thời yêu cầu một số QTDND phải xây dựng đề án tái cơ cấu, theo đó đến hết năm 2015 phải hoàn thành.

+ NHNN đã ban hành Cẩm nang xử lý QTDND yếu kém có nguy cơ mất khả năng chi trả, ảnh hưởng đến an toàn hệ thống QTDND.

+ NHNN đang thực hiện việc chuẩn hóa chương trình, giáo trình đào tạo nghiệp vụ QTDND.

Hiện nay, NHNN đang xây dựng Đề án phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 để hoàn thiện hơn mô hình QTDND.

3. Hợp tác quốc tế về TCTD hợp tác

Trong thời gian qua, NHNN đã phối hợp với các Bộ ngành, NHHTX và Hiệp hội QTDND trong việc tiếp nhận hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức phát triển quốc tế Desjardins – Canada (DID), Tổ chức GTZ - Cộng hòa liên bang Đức, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)... để triển khai công tác đào tạo cán bộ cho NHHTX và hệ thống QTDND; nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống QTDND thông qua Hiệp hội QTDND; hỗ trợ Hiệp hội QTDND xây dựng các quy định hoạt động nội bộ... Những hoạt động trên đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần cải cách chính sách và tăng cường thể chế, phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực của NHHTX và hệ thống QTDND.

4. Kết quả hoạt động

4.1. Kết quả hoạt động

a. Đối với NHHTX.

Căn cứ theo quy định tại Luật các TCTD, ngày 04/6/2013, Thống đốc NHNN đã ký Giấy phép số 166/GP-NHNN thành lập NHHTX trên cơ sở chuyên đổi QTDND Trung ương.

- Tính đến 30/6/2016:

+ Tổng số NHHTX: 01 NHHTX, không tăng so với thời điểm 30/06/2013;

+ Tổng số lao động thường xuyên trong NHHTX: 1.910 người, tăng 0,5% so với thời điểm 30/06/2013;

+ Doanh thu bình quân của NHHTX: 1.170,95 tỷ đồng, tăng 13,4% so với thời điểm 30/06/2013;

+ Lãi bình quân của NHHTX: 137 tỷ đồng, giảm 26,3% so với thời điểm 30/06/2013 ;

+ Tổng số cán bộ quản lý NHHTX: 13 người, không tăng so với thời điểm 30/06/2013.

b. Đối với các QTDND.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố; Tính đến 30/6/2016:

- Tổng số QTDND là 1.156 QTDND, tăng 1,67% so với thời điểm 30/06/2013.

- Số QTDND thành lập mới: 9 QTDND, tăng 28,5% so với thời điểm 30/06/2013;

- Tổng số thành viên QTDND: 1.969.543 người, tăng 10,4% so với thời điểm 30/06/2013;

- Kết quả kinh doanh (Thu nhập – Chi phí): 548.477 triệu đồng, tăng 12,9% so với thời điểm 30/06/2013.

4.2. Đánh giá kết quả hoạt động TCTD hợp tác

Thực hiện Luật Hợp tác xã 2012, thời gian qua NHNN tiếp tục tập trung vào việc củng cố, chấn chỉnh hoạt động của hệ thống QTDND, cơ cấu lại NHHTX và hệ thống QTDND theo tinh thần Quyết định 254/QĐ-TTg ngày 1/3/2012 của TTCP về Phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015”, qua đó những yếu kém của hệ thống QTDND từng bước được khắc phục, quy mô và chất lượng hoạt động của hệ thống QTDND có sự tăng trưởng bền vững.

Hệ thống QTDND đã được củng cố, phát triển tương đối nhanh, hiệu quả và bảo đảm tính liên kết hệ thống cao, bảo đảm an toàn trong hoạt động. Cụ thể: *(i)* Quy mô hoạt động của các QTDND ngày càng tăng trưởng tương đối khá và ổn định; *(ii)* Cùng với tăng trưởng tín dụng, các QTDND cũng quan tâm kiểm soát tốt nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu thấp, chỉ tiêu chất lượng tín dụng nhìn chung ở mức an toàn khoảng 1% dư nợ tín dụng; *(iii)* Các QTDND hàng năm đều quan tâm tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo việc chấp hành các tỷ lệ an toàn và nâng cao năng lực tài chính của đơn vị; *(iv)* Chất lượng, trình độ của đội ngũ cán bộ chủ chốt tại các QTDND cơ bản đã đáp ứng tiêu chuẩn quy định.

III. Một số khó khăn, vướng mắc, bài học kinh nghiệm

1. Một số khó khăn vướng mắc

1.1. Liên quan đến việc áp dụng Luật các TCTD và Luật Hợp tác xã

a. Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật Hợp tác xã năm 2012 cùng quy định các nội dung về tổ chức tín dụng là hợp tác xã bao gồm: Điều kiện cấp giấy phép (khoản 5 Điều 20); Thay đổi vốn điều lệ (khoản 3 Điều 29); Cơ cấu tổ chức (Điều 75); Vốn điều lệ (Điều 76), Điều lệ (Điều 77); Quyền, nghĩa vụ của thành viên (Điều 78,79), Đại hội thành viên (Điều 80), Hội đồng quản trị (Điều 81); Ban kiểm soát (Điều 83, 84); Tổng giám đốc (Điều 85,86);...Tuy nhiên, Luật hợp tác xã không có quy định về áp dụng pháp luật giữa luật này với các luật chuyên ngành.

Ngoài ra, Khoản 13 Điều 21 Luật hợp tác xã quy định: “...*Tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cam kết cung ứng, tiêu thụ cho thành viên, hợp tác xã thành viên ra thị trường cho từng lĩnh vực, loại hình theo quy định của Chính phủ*”. Khoản 3 Điều 5 Nghị định

193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã quy định: “Đối với lĩnh vực tín dụng, giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cam kết cung ứng, tiêu thụ cho thành viên, hợp tác xã thành viên cho khách hàng không phải thành viên trình Chính phủ quyết định”. Tuy nhiên, tại Điểm b khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã quy định hoạt động của QTDND: “Nhận tiền gửi từ các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”; “Cho vay đối với khách hàng không phải là thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”. Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 04/2015/TT-NHNN ngày 31/03/2015 quy định về Quỹ tín dụng nhân dân đã quy định cụ thể các hoạt động này.

Như vậy, những vướng mắc trên đã tạo ra sự chông chéo, khó khăn trong việc áp dụng Luật các tổ chức tín dụng và Luật Hợp tác xã đối với các đối tượng là TCTD tổ chức theo mô hình hợp tác xã.

b. Liên quan đến việc biểu quyết trong Đại hội thành viên: các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Hợp tác xã chỉ được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số đại biểu có mặt biểu quyết tán thành. Tuy nhiên nội dung khoản 2 Điều 34 không quy định là *đại biểu có mặt* dẫn đến những cách hiểu khác nhau. Do vậy, đề nghị làm rõ về cụm từ “đại biểu” tại khoản 2 Điều 34 cũng như làm rõ những trường hợp đại biểu được coi là “có mặt”.

1.2. Trong việc đầu tư tín dụng đối với KTTT

- Đầu tư tín dụng đối với các HTX đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên tổng dư nợ cho vay đối với KTTT vẫn còn hạn chế, tỷ trọng các HTX có quan hệ vay vốn với ngân hàng còn thấp, trong khi tín dụng đối với các hộ gia đình tăng rất nhanh do những nguyên nhân sau: (i) Nhiều HTX chưa đủ điều kiện tiếp cận, tiếp nhận vốn tín dụng do bản thân các HTX còn nhiều hạn chế trong quản trị, điều hành, năng lực tổ chức quản lý hoạt động, quản lý vốn còn yếu kém dẫn đến lúng túng trong hoạt động sản xuất kinh doanh; (ii) Quan hệ giữa Ban quản trị và các thành viên còn thiếu sự gắn kết, chưa tạo động lực cho các thành viên tham gia các hoạt động của HTX mà tách ra tự vay vốn tại các TCTD phục vụ sản xuất kinh doanh, mua các nguyên vật liệu đầu vào thay vì thông qua HTX.

- Phần lớn các HTX chưa chuyển đổi được hoạt động theo Luật HTX năm 2012 hoặc chỉ chuyển đổi về mặt hình thức không bảo đảm về tư cách pháp lý nên hiệu quả hoạt động thấp; Nhận thức của Ban Quản lý HTX chậm đổi mới, vẫn theo tư duy HTX kiểu cũ đã ảnh hưởng đến việc đầu tư cho vay đối với loại hình kinh tế này của các TCTD.

- Khu vực KTTT, mà nòng cốt là các HTX, hầu hết có quy mô hoạt động hoạt động nhỏ, cơ sở vật chất, trang thiết bị lạc hậu, trụ sở làm việc không đảm bảo, phương án sản xuất kinh doanh không khả thi. Một số đơn vị thiếu công khai công khai minh bạch, thực hiện không đúng quy định về quản lý tài chính, kế toán, không tuân thủ các nguyên tắc của Luật, Điều lệ, các quy định của pháp luật, do

vậy thiếu cơ sở pháp lý để vay vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Hiệu quả hoạt động của khu vực KTTT còn thấp, số lượng dịch vụ ít, chất lượng dịch vụ chưa cao, chưa đáp ứng kịp sự thay đổi của thị trường, sản xuất hàng hóa chưa gắn với thị trường tiêu thụ, chưa có sự liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

- Các HTX, tổ hợp tác phần lớn hoạt động trên địa bàn nông thôn, đặc biệt trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thường gặp rủi ro cao trong hoạt động kinh doanh do thiên tai, dịch bệnh. Một số HTX, tổ hợp tác sử dụng không hiệu quả nguồn vốn vay, sử dụng vốn sai mục đích, nợ quá hạn kéo dài. Một số HTX còn có tâm lý ỷ lại, trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước.

1.3. Đối với hoạt động của TCTD hợp tác

- Các QTDND chủ yếu hoạt động trên địa bàn nông nghiệp, nông thôn, nhiều khó khăn, thu nhập thành viên thấp nên đã hạn chế việc tăng trưởng vốn điều lệ cũng như huy động vốn. Mặt khác, đối tượng sử dụng vốn mang tính thời vụ cao, lệ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên nên hoạt động tín dụng còn nhiều rủi ro bất khả kháng.

- Năng lực tài chính, cơ sở vật chất, trình độ công nghệ, đặc biệt là trình độ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và đội ngũ cán bộ của một số QTDND còn hạn chế.

- Sản phẩm dịch vụ của các QTDND còn đơn giản, chủ yếu là huy động để cho vay, nguồn thu chính là thu từ lãi vay, khả năng mở rộng, phát triển các sản phẩm dịch vụ, tăng cường năng lực cạnh tranh đối với các loại hình TCTD khác còn nhiều hạn chế.

- Việc xử lý nợ xấu đối với các TCTD nói chung và QTDND nói riêng còn nhiều khó khăn; thủ tục xử lý tài sản thế chấp thế chấp thu hồi nợ kéo dài.

2. Bài học kinh nghiệm

- Cần xác định rõ và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, củng cố và nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước về KTTT; quá trình xây dựng chương trình phát triển KTTT ở các Bộ, ngành, địa phương phải dựa trên quy hoạch và lợi thế đặc thù của từng ngành, từng địa phương. Việc sửa đổi, bổ sung và ban hành cơ chế, chính sách phát triển KTTT phải có sự đồng bộ, phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành.

- Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Chính phủ và sự phối hợp của các Bộ, ngành, cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc củng cố, chấn chỉnh hoạt động của hệ thống QTDND là nhân tố quan trọng giúp hệ thống QTDND phát triển an toàn và hiệu quả.

- Phải thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chuyên môn về KTTT và cán bộ, xã viên HTX.

IV. Giải pháp, định hướng phát triển KTTT của ngành Ngân hàng trong thời gian tới

1. Đối với đầu tư tín dụng hỗ trợ KTTT

- Tiếp tục đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về KTTT nói chung và chính sách hỗ trợ tín dụng đối với KTTT nói riêng.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khu vực KTTT: điều hành chủ động, linh hoạt các mức lãi suất của NHNN để kiểm soát và điều tiết lãi suất thị trường phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ; Thực hiện các giải pháp về hoạt động tín dụng nhằm tháo gỡ khó khăn trong quan hệ tín dụng giữa TCTD và khách hàng, trong đó có KTTT.

- Chỉ đạo tập trung vốn tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ, triển khai các chương trình tín dụng đặc thù đối với một số mặt hàng nông sản có thế mạnh như lúa, gạo, cà phê, thủy sản,... cho vay theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực, có giá trị thương mại cao, tác động lan tỏa tới nền kinh tế và số đông hộ nông dân nhằm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai tích cực Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc nhằm chủ động, tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; Tiếp tục tổ chức các Đoàn công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xuống các địa bàn để trực tiếp lắng nghe khó khăn của các TCTD, doanh nghiệp, HTX trên địa bàn để đưa ra các chính sách chỉ đạo điều hành sát với thực tế.

- Các TCTD tiếp tục đa dạng hoá các hình thức huy động để mở rộng nguồn vốn cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn và khu vực KTTT; Đổi mới quy trình, thủ tục cho vay theo hướng đơn giản và phù hợp với đối tượng khách hàng là các HTX và tổ hợp tác sản xuất kinh doanh, nhưng vẫn phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật và quản lý được chất lượng tín dụng.

- Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc hoàn thiện, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, đặc biệt trong việc triển khai Đề án xây dựng mô hình HTX kiểu mới.

2. Đối với hệ thống TCTD hợp tác

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của hệ thống QTDND như: Thông tư quy định về quy định về xếp hạng QTDND; Thông tư quy định những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của QTDND; Thông tư tổ chức lại QTDND.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời những tồn tại, yếu kém của các QTDND; Tập trung xử lý quyết liệt những QTDND yếu kém, không có khả năng khắc phục trở lại hoạt động bình thường; Xử lý, thu hồi giấy phép hoạt động của QTDND hoạt động yếu kém, thua lỗ kéo dài, có nguy cơ mất khả năng chi trả, khả năng thanh toán.

- Phối hợp chặt chẽ với NHHTX, Bảo hiểm tiền gửi, các ban ngành, chính

quyền địa phương xử lý các sự cố, vụ việc tại các QTDND yếu kém và trong việc quản lý, giám sát để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra, giám sát hoạt động của QTDND.

- Yêu cầu các QTDND thực hiện tăng mức vốn điều lệ lên 500 triệu đồng trong giai đoạn này, để đảm bảo tất cả các QTDND có đủ mức vốn pháp định ngay sau khi NHNN trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 về ban hành danh mục mức vốn pháp định của các TCTD trong năm 2017. Đồng thời, yêu cầu các QTDND tự xác định lộ trình để tăng vốn điều lệ lên 1 tỷ vào năm 2020.

- Triển khai rà soát, đánh giá lại phạm vi địa bàn hoạt động của các QTDND theo quy định tại Thông tư 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về QTDND hoặc theo đề án cơ cấu lại của từng QTDND đã được NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố phê duyệt; Đồng thời, hoàn thiện cơ cấu ban kiểm soát theo quy định tại Thông tư 04 nêu trên.

- Nghiên cứu, xây dựng Đề án thành lập thí điểm QTDND ngành nghề; Nghiên cứu đánh giá thiết lập mối liên kết quỹ các QTDND ngành nghề, giữa các QTDND ngành nghề với các QTDND khác và giữa các QTDND ngành nghề với NHHTX.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Chính phủ

- Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các HTX và các hộ gia đình là thành viên HTX để tạo điều kiện cho các đối tượng này ổn định cuộc sống, ổn định kinh doanh và hoàn thiện các điều kiện vay vốn tại các TCTD.

- Có chính sách hỗ trợ cho các HTX, tổ hợp tác về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông thôn; hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực, về thông tin thị trường và xử lý rủi ro của các HTX, xã viên HTX khi gặp thiên tai, dịch bệnh.

- Có chính sách ưu đãi dành cho các Quỹ TDND như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân từ lợi tức góp vốn của các thành viên; hỗ trợ vốn với lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế để các Quỹ TDND có thêm nguồn vốn dài hạn phục vụ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về vai trò của kinh tế tập thể và sự hỗ trợ phát triển của Nhà nước đối với KTTT, chỉ đạo tăng cường vai trò, trách nhiệm của Liên minh hợp tác xã, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, hiệp hội trong phát triển KTTT.

2. Đối với các Bộ, ngành, địa phương

- Để đảm bảo sự thống nhất, không có sự chông chéo giữa các văn bản QPPL, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung quy định về áp dụng Luật hợp tác xã và các luật chuyên ngành theo hướng: *“Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể*


và hoạt động có liên quan của hợp tác xã thì áp dụng quy định của Luật đó”.

- Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Quỹ hỗ trợ phát triển HTX theo hướng mở rộng phạm vi hoạt động bao gồm bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với HTX, LHHTX theo quy định tại Nghị định 193/2013/NĐ-CP; UBND các tỉnh, thành phố tạo điều kiện thành lập và bổ sung tăng thêm nguồn vốn cho Quỹ hỗ trợ phát triển HTX để hỗ trợ HTX, LHHTX có nhu cầu vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các Bộ, ngành đẩy mạnh triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xây dựng mô hình HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 gắn với phát triển chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa chủ lực có quy mô lớn và sức lan tỏa.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển theo vùng, lãnh thổ, phối hợp lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn để thu hút sự tham gia của các HTX và các thành viên HTX, đồng thời giúp cho các TCTD có cơ sở đầu tư vốn.

- Thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước đối với KTTT theo hướng tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động của KTTT trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, rà soát, ban hành đồng bộ các văn bản dưới Luật và tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2012; phát huy vai trò cầu nối giữa HTX với các doanh nghiệp và thị trường, phát triển các hình thức hợp tác liên kết đa dạng, phù hợp, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

- Các địa phương có kế hoạch cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn về thành lập HTX, tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tài chính, tín dụng, đất đai, xúc tiến thương mại, ứng dụng chuyển giao khoa học - công nghệ, đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của HTX, tổ hợp tác hiện có nhằm tích cực đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh; góp phần tạo việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường. 

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG HỢP TÁC

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2013	2014	2015	Ước đạt 2016
I. Đối với QTDND					
1. Tổng số QTDND	Quỹ	1.144	1.145	1.147	1.158
2. QTDND thành lập mới (so với năm trước đó)	Quỹ	12	1	2	9
3. QTDND ngừng hoạt động	Quỹ	2	1	1	0
4. Tổng số thành viên QTDND	Người	1.836.586	1.955.328	1.984.749	1.950.000
5. Số lượng thành viên tăng/giảm (so với năm trước đó)	Người	121.377	118.742	29.421	-34.749
6. Kết quả kinh doanh (TN-CP)	Triệu đồng	626.067	660.530	725.021	800.000
II. Đối với NHHTX					
1. Tổng số NHHTX		1	1	1	1
2. Tổng số lao động thường xuyên trong NHHTX	Người	1.900	1.920	1.910	1.910
3. Lãi bình quân của NHHTX	Tỷ đồng	128,6	90,7	105,4	120
4. Doanh thu bình quân của NHHTX	Tỷ đồng	2.453,3	2.540,4	2.829,6	3.000
5. Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong NHHTX	Triệu đồng/ năm	129,36	137,47	160,2	180
6. Tổng số cán bộ quản lý NHHTX (gồm BQT + Ban TGD)	Người	13	13	13	13